

## Chương 7. Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

### Điều 7.1: Định nghĩa

Theo mục đích của Chương này:

(a) **Hiệp định TBT** có nghĩa là *Hiệp định của WTO về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại*, có thể được sửa đổi;

(b) **Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp** được định nghĩa như đã được ấn định cho các thuật ngữ đó trong Phụ lục 1 của Hiệp định TBT.

### Điều 7.2: Mục tiêu

Mục tiêu của chương này nhằm:

(a) **Đẩy mạnh và thuận lợi hóa thương mại thông qua:**

(i) Tăng cường tính minh bạch;

(ii) Thúc đẩy thực hành quản lý tốt và hợp tác quản lý rộng hơn;

(iii) Tăng cường hợp tác chung giữa các Bên.

(b) **Đảm bảo rằng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp không tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại.**

### Điều 7.3: Phạm vi

1. Chương này áp dụng cho việc xây dựng, ban hành và áp dụng tất cả các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp có thể trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến thương mại hàng hóa giữa các Bên.

2. Các yêu cầu kỹ thuật do các cơ quan chính phủ xây dựng cho các yêu cầu sản xuất hoặc tiêu dùng của các cơ quan đó thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương 10 (Mua sắm Chính phủ), không phải tuân theo các quy định của Chương này.

3. Chương này không áp dụng đối với các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật được định nghĩa tại Phụ lục A, khoản 1 của *Hiệp định các biện*

*pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật* (Hiệp định SPS), được đề cập trong Chương 6 (Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật).

#### **Điều 7.4: Điều khoản chung**

1. Các Bên khẳng định lại các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiệp định TBT;
2. Các điều khoản của Hiệp định TBT được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này bao gồm:
  - (a) Điều 2 tới 9 của Hiệp định TBT.
  - (b) Phụ lục 1 và 3 của Hiệp định TBT.
3. Để rõ hơn, không quy định nào trong Chương này ngăn cản một Bên áp dụng hoặc duy trì các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc thủ tục đánh giá sự phù hợp theo các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiệp định này và Hiệp định TBT.

#### **Điều 7.5: Tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế**

1. Các Bên thừa nhận vai trò quan trọng mà các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế có thể đóng góp trong việc hỗ trợ hài hòa quản lý tốt hơn, thực hành quản lý tốt và giảm các rào cản thương mại không cần thiết.
2. Về vấn đề này, cũng như Điều 2.4 và Điều 5.4 và Phụ lục 3 của Hiệp định TBT, để xác định một tiêu chuẩn, hướng dẫn hoặc khuyến nghị quốc tế theo Điều 2 và 5 và Phụ lục 3 của Hiệp định TBT, mỗi Bên sẽ áp dụng các *Quyết định và Khuyến nghị do Ủy ban WTO về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại thông qua từ ngày 1 tháng 1 năm 1995, (G/TBT/1/Rev.13)*, có thể được sửa đổi, do Ủy ban WTO về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại ban hành.

#### **Điều 7.6: Thủ tục đánh giá sự phù hợp**

1. Các Bên thừa nhận rằng có rất nhiều cơ chế để tạo thuận lợi cho việc chấp nhận trên lãnh thổ của một Bên các kết quả của thủ tục đánh giá sự phù

hợp được tiến hành trên lãnh thổ của Bên kia. Các cơ chế như vậy có thể bao gồm:

a) Việc sử dụng hoạt động công nhận để đánh giá công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp bao gồm cả việc chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp

b) Chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp do tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt tại lãnh thổ của Bên kia thực hiện đối với các quy chuẩn kỹ thuật cụ thể;

c) Thừa nhận các hiệp định và thỏa thuận thừa nhận cấp khu vực, quốc tế và đa phương hiện có giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp;

d) Chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt tại lãnh thổ của Bên kia để thực hiện các hoạt động đánh giá sự phù hợp, hoặc thừa nhận việc chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Bên kia;

(e) Đơn phương thừa nhận kết quả của các thủ tục đánh giá sự phù hợp được thực hiện trên lãnh thổ của Bên kia;

(f) Chấp nhận công bố phù hợp của nhà cung cấp; và

(g) Tạo điều kiện thuận lợi cho các thỏa thuận tự nguyện giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt tại lãnh thổ của mỗi Bên để chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau; 2. Các Bên có thể trao đổi thông tin về các cơ chế này và các cơ chế tương tự khác nhằm tạo thuận lợi cho việc chấp nhận các kết quả đánh giá sự phù hợp do một Bên đề xuất.

### 3. Nếu một Bên từ chối:

(a) Theo yêu cầu của một bên về tham gia đàm phán hoặc ký kết một thỏa thuận nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ của mình;

(b) Kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện trên lãnh thổ của Bên kia bởi một tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận theo hiệp định và thỏa thuận thừa nhận song phương;

(c) Công nhận, chỉ định hoặc thừa nhận khác theo hiệp định hoặc thỏa thuận thừa nhận song phương hoặc đa phương mà các Bên là một trong các bên ký kết hoặc là một bên, đối với một tổ chức đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn đó trên lãnh thổ của Bên kia;

thì sẽ phải giải trình lý do cho các quyết định của mình.

### **Điều X.7: Minh bạch hóa**

1. Các Bên thừa nhận tầm quan trọng của tính minh bạch trong việc ra quyết định, bao gồm cả việc tạo cơ hội phù hợp cho các tổ chức, cá nhân góp ý đối với các dự thảo quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp. Trường hợp một Bên đưa ra thông báo theo Điều 2.9 hoặc 5.6 của Hiệp định TBT, thì Bên đó:

(a) Có thể đưa vào trong thông báo mục tiêu, cơ sở lý luận của quy chuẩn kỹ thuật hoặc thủ tục đánh giá sự phù hợp dự kiến; cơ quan dự thảo và quá trình xây dựng dự thảo; và

(b) Phải gửi thông báo cùng với dự thảo bằng phương thức điện tử cho Bên kia thông qua Điểm hỏi đáp mà Bên đó đã thành lập theo Điều 10 của Hiệp định TBT, ngay khi thông báo cho các Thành viên WTO về dự thảo đó. Mỗi Bên phải cho phép ít nhất sáu mươi (60) ngày để Bên kia đưa ra các góp ý bằng văn bản về dự thảo. Các Bên được khuyến khích kéo dài thời hạn góp ý hơn 60 ngày, ví dụ 90 ngày, nếu cần thiết.

2. Một Bên sẽ phải xem xét kỹ lưỡng các ý kiến nhận được từ Bên kia khi dự thảo quy chuẩn kỹ thuật đưa ra lấy ý kiến công khai và, cung cấp câu trả lời bằng văn bản về các ý kiến nhận được theo yêu cầu của Bên kia, nếu có.

3. Mỗi Bên được khuyến khích cung cấp đủ thời gian từ khi kết thúc giai đoạn lấy ý kiến cho đến khi ban hành quy chuẩn kỹ thuật hoặc thủ tục đánh giá sự phù hợp đã được thông báo để xem xét và chuẩn bị phản hồi đối với các ý kiến nhận được.

4. Các Bên phải bảo đảm công khai tất cả các quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp đã được ban hành.

### **Điều 7.8: Trao đổi thông tin và thảo luận kỹ thuật**

1. Một Bên có thể yêu cầu thảo luận kỹ thuật với Bên kia nhằm giải quyết bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo Chương này.

2. Các Bên phải thảo luận về vấn đề nêu ra trong vòng 60 ngày kể từ ngày yêu cầu. Nếu Bên yêu cầu cho rằng vấn đề này là khẩn cấp, Bên đó có thể yêu cầu bất kỳ cuộc thảo luận nào diễn ra trong một khung thời gian ngắn hơn. Bên phản hồi cần xem xét một cách tích cực yêu cầu đó.

3. Các Bên phải cố gắng hết sức để giải quyết vấn đề một cách nhanh nhất có thể.

4. Các yêu cầu về thông tin hoặc thảo luận kỹ thuật và thông tin liên lạc phải được chuyển tải thông qua các đầu mối liên lạc tương ứng được chỉ định tại Điều X.11 (Đầu mối liên lạc).

### **Điều 7.9: Hợp tác về các vấn đề liên quan đến TBT**

1. Nhằm tạo thuận lợi cho thương mại, các Bên sẽ tăng cường hợp tác trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp.

2. Các Bên thừa nhận rằng có thể có nhiều cơ chế hỗ trợ các sáng kiến hợp tác, bao gồm:

(a) Thúc đẩy việc sử dụng các thực hành quản lý tốt để nâng cao hiệu quả và hiệu lực của các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp;

(b) Đưa ra các cân nhắc mang tính tạo thuận lợi, theo yêu cầu của Bên kia, đối với các đề xuất về các lĩnh vực thể nhằm tăng cường hợp tác;

(c) Tăng cường hợp tác song phương trong các tổ chức và diễn đàn khu vực và quốc tế có liên quan để giải quyết các vấn đề được đề cập trong Chương này;

(d) Cung cấp tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật, theo các điều khoản và điều kiện đã được hai bên thống nhất, để cải thiện các hoạt động liên quan đến việc xây dựng, áp dụng và rà soát các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp;

(e) Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hợp tác, theo các điều khoản và điều kiện đã được hai bên thống nhất, để xây dựng năng lực và hỗ trợ việc thực hiện Chương này.

**Điều 7.10: Tiểu ban về hàng rào kỹ thuật trong thương mại**

1. Các Bên tại văn bản này thành lập Tiểu ban về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (sau đây gọi tắt là Tiểu ban), bao gồm các đại diện chính phủ có liên quan của mỗi Bên và được điều phối bởi:

(a) Đối với Israel: Bộ Kinh tế và Công nghiệp, Cục Quản lý Ngoại thương hoặc đơn vị kế nhiệm.

(b) Đối với Việt Nam: Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị kế nhiệm.

2. Thông qua Tiểu ban, các Bên sẽ tăng cường phối hợp chung trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại giữa các Bên.

3. Chức năng của Tiểu ban bao gồm:

(a) Giám sát việc thực thi và triển khai các cam kết của Chương này và xác định các sửa đổi cần thiết hoặc diễn giải các cam kết đó theo Chương 13 (Quản lý Hiệp định);

(b) Giám sát các cuộc thảo luận kỹ thuật về các vấn đề phát sinh theo Chương này;

(c) Rà soát Chương này dựa trên sự thay đổi theo Hiệp định TBT và đưa ra các khuyến nghị sửa đổi đối với Chương này dựa trên những sự thay đổi đó;

(d) Báo cáo với Ủy ban Hỗn hợp về việc thực thi và triển khai Chương này;

(e) Thực hiện các chức năng khác có thể được ủy quyền bởi Ủy ban Hỗn hợp của Hiệp định.

(f) Quyết định các lĩnh vực ưu tiên thuộc mối quan tâm chung cho công việc trong tương lai theo Chương này và xem xét các đề xuất về các sáng kiến mới theo lĩnh vực cụ thể hoặc các sáng kiến khác;

(g) Khuyến khích hợp tác giữa các Bên trong các vấn đề liên quan đến Chương này, bao gồm việc xây dựng, rà soát hoặc sửa đổi các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp;

(h) Tạo thuận lợi cho việc xác định các nhu cầu nâng cao năng lực kỹ thuật;

**Điều 7.11: Đầu mối liên lạc**

1. Đầu mối liên lạc chịu trách nhiệm về thông tin liên lạc liên quan đến các vấn đề phát sinh theo Chương này bao gồm đảm bảo liên lạc với các tổ chức và cơ quan có liên quan trong lãnh thổ của mình khi cần thiết để thực thi và quản lý Chương này.

2. Đầu mối liên lạc:

(a) Về phía Việt Nam, là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị kế nhiệm; và

(b) Về phía Israel, là Cục Quản lý Ngoại thương thuộc Bộ Kinh tế và Công nghiệp hoặc đơn vị kế nhiệm.

3. Mỗi Bên phải cung cấp cho Bên kia các thông tin về đầu mối liên lạc của mình và thông báo ngay về bất kỳ thay đổi hoặc sửa đổi nào đối với thông tin liên quan đến đầu mối liên lạc đó.